TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2024.
V/v: Yêu cầu ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Qúy Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Được.

2. Bà Huỳnh Thị Thuận.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Cao Thiên – Thư ký TAND huyện Đất Đỏ.

- *Đại diện VKSND huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Huyền – kiểm sát viên.

Ngày 30-5-2024, tại trụ sở TAND huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2024/TLST-HNGĐ ngày 26-3-2024 về tranh chấp "yêu cầu ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXX-ST ngày 02-5-2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/QĐ ngày 17-5-2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Huỳnh Văn G, sinh năm: 1988.

Trú tại: tổ 8 ấp L, xã P, huyện Đ, tỉnh BRVT.

(Ông G có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: 101A/Ô1 khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh BRVT.

(Bà T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại tòa án, nguyên đơn ông* Huỳnh Văn G *trình bày:* Ông G chung sống vợ chồng với bà Trần Thị Thu T vào năm 2011, có đăng ký kết hôn và tự nguyện đến với nhau không bị ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại kp B, thị trấn Đ cùng với gia đình bà T. Trong thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2023 thì ông G phát hiện bà T có quan hệ với người khác dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm thường hay cải vả và không còn tôn trọng lẫn nhau. Vì không thể hàn gắn được nên vợ chồng ly thân

từ cuối năm 2023. Nay vì không còn tình cảm nên ông G yêu cầu được ly hôn với bà T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con tên Huỳnh Thị Thu N, sinh ngày 23-01-2012 và Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 31-10-2017, hiện các đang ở với bà T từ lúc vợ chồng ly thân. Sau khi ly hôn ông G đồng ý để các con cho bà T nuôi, trường hợp bà T không nuôi thì ông G nuôi và không yêu cầu bà T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

* *Đối với bà Trần Thị Thu T vắng mặt tại phiên tòa:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các thủ tục và triệu tập bà T đến Tòa án để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông G nhưng bà T không đến và cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của ông G và không có yêu cầu phản tố.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng:

+ Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi tiến hành các hoạt động tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án và xác định đúng quan hệ tranh chấp của vụ án.

+ Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

+ Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa sơ thẩm. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Huỳnh Văn G tự nguyện chung sống vợ chồng với bà Trần Thị Thu T vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn. Nay ông G yêu cầu ly hôn với bà T nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "yêu cầu ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nơi cư trú của bà T tại thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ nên Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Bị đơn bà Trần Thị Thu T đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung:

Ông Huỳnh Văn G với bà Trần Thị Thu T chung sống vợ chồng tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân này hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông G nhận thấy mâu thuẫn gia đình đã thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn. Còn bà T cố tình không đến Tòa án điều này chứng tỏ bà T không có thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn gia đình và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông G đối với bà T.

- Về con chung: ông G bà T có 02 người con tên Huỳnh Thị Thu N, sinh ngày 23-01-2012 và Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 31-10-2017, hiện các đang ở với bà T từ lúc vợ chồng ly thân. Sau khi ly hôn ông G đồng ý để các con cho bà T nuôi và trong quá trình làm việc nguyện vọng các cháu N và Đ cũng muốn được ở với bà T nghĩ nên giao các con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: do bà T không đến tòa án thể hiện ý kiến của mình có yêu cầu cấp dưỡng hay không nên tòa án dành việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho bà T khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

[3] Về án phí: ông G phải chịu án phí theo quy định, bà T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn G được ly hôn với bà Trần Thị Thu T.

2/ Về con chung: bà Trần Thị Thu T được trực nuôi dưỡng 02 người con tên Huỳnh Thị Thu N, sinh ngày 23-01-2012 và Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 31-10-2017. Tạm thời ông Huỳnh Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T ông G đều có quyền, nghĩa vụ trông nom chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng con chung; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, cha, mẹ, cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật HN và GĐ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: không có.

4/ Về án phí: Ông Huỳnh Văn G phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ-ST. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 004806 ngày 18-3-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Ông G đã nộp đủ án phí. Bà T không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên được tính từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BRVT.
- VKSND h Đất Đỏ.
- THA h Đất Đỏ.
- UBND xã Phước Hội.
- Đương sự.
- Lưu Vphòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ.

(Đã ký)

Lê Qúy Cường